

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI**Chương: 423****PHỤ LỤC***(Kèm theo Quyết định số 1506/QĐ-SYT ngày 31/12/2020 của Giám đốc Sở Y tế)*

Đơn vị:

Mã số:

Mã KBNN nơi giao dịch:

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	Dự toán chưa giao
			Số tiết kiệm thực hiện CCTL	Dự toán đơn vị sử dụng		
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
1	Số thu phí, lệ phí	6,700	-	-	-	-
1.1	Lệ phí	-	-	-		
1.2	Phí	6,700	-	-	-	-
	- Thu phí Giám định Y khoa	3,200	-	-	-	
	- Thu phí An toàn vệ sinh thực phẩm	400	-	-	-	
	- Thu phí thăng hạng	100	-	-	-	
	- Thu phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm, y tế	3,000	-	-	-	-
	+ Y	1,500	-	-	-	
	+ Dược	1,500	-	-	-	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	5,710	-	-	-	-
2.1	Chi sự nghiệp y tế	3,040	-	-	-	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3,040	-	-	-	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	
2.2	Chi quản lý hành chính	2,670	-	-	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2,670	-	-	-	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	990	-	-	-	-
3.1	Lệ phí	-	-	-	-	
3.2	Phí	990	-	-	-	-
	- Thu phí Giám định Y khoa	160	-	-	-	
	- Thu phí An toàn vệ sinh thực phẩm	80	-	-	-	
	- Thu phí thăng hạng	-	-	-	-	
	- Thu phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm, y tế	750	-	-	-	-
	+ Y	300	-	-	-	
	+ Dược	450	-	-	-	

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	Dự toán chưa giao
			Số tiết kiệm thực hiện CCTL	Dự toán đơn vị sử dụng		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	592,620	10,696	581,924	3,307	74,820
340 - 341	Chi quản lý hành chính	13,041	468	12,573	1,215	-
340 - 341	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	11,055	409	10,646	1,215	-
340 - 341	+ Chi con người	6,770	-	6,770	1,215	
340 - 341	+ Chi hoạt động	4,085	409	3,676	-	
340 - 341	+ Kinh phí trích thu hồi sau thanh tra	200	-	200	-	
340 - 341	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1,986	59	1,927	-	-
340 - 341	+ Chi hợp đồng 161	1,331	-	1,331	-	
340 - 341	+ Kinh phí mua trang phục thanh tra	50	-	50	-	
340 - 341	+ Kinh phí xử phạt hành chính	150	15	135	-	
340 - 341	+ Hoạt động xe kiểm nghiệm	15	-	15		
340 - 341	+ Kinh phí sửa chữa đường điện	100	10	90		
340 - 341	+ KP mua sắm trang thiết bị văn phòng	340	34	306	-	
070	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	6,365	637	5,728	-	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6,365	637	5,728	-	-
070 - 085	- Kinh phí đào tạo nguồn nhân lực ngành y	6,365	637	5,728	-	
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	573,214	9,591	563,623	2,092	74,820
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	394,763	6,835	387,928	2,092	-
130 - 131	Y tế dự phòng	109,119	1,596	107,523	1,382	-
130 - 131	+ Chi con người (biên chế)	28,688	-	28,688	1,382	
130 - 131	+ Chi hoạt động (biên chế)	15,930	1,596	14,334	-	
130 - 131	+Hỗ trợ một phần kinh phí YTDP	64,501	-	64,501	-	
130 -132	Khám bệnh, chữa bệnh	268,097	4,788	263,309	710	-
130 - 132	- Bệnh viện	91,102	-	91,102	-	-
130 - 132	+ Hỗ trợ một phần khối điều trị	91,102	-	91,102	-	
130 - 132	- Trạm Y tế	176,995	4,788	172,207	710	-
130 - 132	+ Chi con người (biên chế)	129,110	-	129,110	710	
130 - 132	+ Chi hoạt động	47,885	4,788	43,097	-	
130 - 139	Y tế khác	8,970	140	8,830	-	-

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	Dự toán chưa giao
			Số tiết kiệm thực hiện CCTL	Dự toán đơn vị sử dụng		
130 - 139	+ Hỗ trợ một phần y tế khác	4,705	-	4,705	-	
130 - 139	+ Chi con người (biên chế)	2,870	-	2,870	-	
130 - 139	+ Chi hoạt động (biên chế)	1,395	140	1,255	-	
130 - 151	Dân số	8,577	311	8,266	-	-
130 - 151	+ Chi con người (biên chế)	5,472	-	5,472	-	
130 - 151	+ Chi hoạt động (biên chế)	3,105	311	2,794	-	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	178,451	2,756	175,695	-	74,820
	<i>Kinh phí cho biên chế hợp đồng</i>	4,031	-	4,031	-	-
130 - 131	Y tế dự phòng	2,910	-	2,910	-	-
130 - 131	+ Chi hợp đồng 161	2,910	-	2,910	-	
130 - 132	Khám bệnh, chữa bệnh- Trạm y tế Xã	95	-	95	-	-
130 - 132	+ Chi hợp đồng 161	95	-	95	-	
130 - 139	Y tế khác	217	-	217	-	-
130 - 139	+ Chi hợp đồng 161	217	-	217	-	
130 - 151	Dân số	809	-	809	-	-
130 - 151	+ Chi hợp đồng 161	809	-	809	-	
130 - 131	Các chương trình phòng bệnh khác	3,414	260	3,154	-	617
130 - 131	Các chương trình phòng bệnh khác	-	-	-	-	
130 - 131	Phòng chống bệnh nghề nghiệp	-	-	-	-	229
130 - 131	Phòng chống tai nạn thương tích	-	-	-	-	288
130 - 131	Tiền ăn miễn phí bệnh nhân lao	-	-	-	-	100
130 - 131	Tiền ăn miễn phí bệnh nhân phong	489	-	489	-	
130 - 131	Tạp chí sức khỏe Đồng Nai	388	39	349	-	
130 - 131	Thông tin tuyên truyền trên đài phát thanh, truyền hình, báo Đồng Nai	510	51	459	-	
130 - 131	KP đối ứng dự án sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin	204	-	204	-	
130 - 131	Phòng chống dịch bệnh tay chân miệng	900	90	810	-	
130 - 131	Phòng chống dịch bệnh khác	795	80	715	-	
130 - 131	KP đối ứng quỹ toàn cầu	128	-	128	-	

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	Dự toán chưa giao
			Số tiết kiệm thực hiện CCTL	Dự toán đơn vị sử dụng		
130 - 131	Hỗ trợ Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số	-	-	-	-	50,708
130 - 131	Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	4,500	-	4,500	-	-
130 - 131	Dự án 2: Vệ sinh nông thôn	4,500	-	4,500	-	-
130-132	- Kinh phí trợ cấp y tế thôn bản	3,500	-	3,500	-	-
130 - 132	+ Trợ cấp y tế thôn bản	3,500.0	0.0	3,500.0	0.0	0.0
130 - 132	+ Trợ cấp y tế khu phố	0.0	-	0.00	-	-
130-132	- Kinh phí đặt hàng khám chữa bệnh	25,159	2,350	22,809	-	-
130 - 132	+ KP thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ KB; CB_Bệnh nhân phong	1,659	-	1,659	-	-
130 - 132	+ KP hoạt động quản lý Khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	3,500	350	3,150	-	-
130 - 132	+ KP khám chữa bệnh, mua thuốc cho khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	20,000	2,000	18,000	-	-
130-139	- Kinh phí trợ cấp thu hút ngành y	1,872	-	1,872	-	22,128
130 - 139	+ Kinh phí trợ cấp; hỗ trợ bác sĩ	-	-	-	-	22,128
130 - 139	+ Trợ cấp đặc thù (methadone)	1,872	-	1,872	-	-
130 - 139	- Kinh phí hỗ trợ mua thẻ BHYT cho đối tượng nhiễm HIV/AIDS	2,000	-	2,000	-	-
130 - 139	- Kinh phí hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND	10,000	-	10,000	-	-
130 - 139	- Các hoạt động khác	6,851	146	6,705	-	1,367
130 - 139	Hoạt động điều dưỡng, Hoạt động ngành	300	30	270	-	142
130 - 139	Các hoạt động khác	-	-	-	-	-
130 - 139	Tiền mua mẫu kiểm nghiệm	150	-	150	-	-
130 - 139	KP hợp phần biến đổi khí hậu Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	-	-	-	-	-
130 - 139	Kinh phí lập hồ sơ, quản lý sức khỏe người dân	1,526	59	1,467	-	-
130 - 139	Khám tuyến nghĩa vụ quân sự	570	57	513	-	-
131 - 139	Kinh phí Khám sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy quản lý	3,500	-	3,500	-	-
130 - 139	Đề án methadone (mua test xét nghiệm, ...)	805	-	805	-	1,225
130 - 139	+ Đề án methadone (mua thuốc+ triển khai thêm điểm mới)	-	-	-	-	1,225

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	Dự toán chưa giao
			Số tiết kiệm thực hiện CCTL	Dự toán đơn vị sử dụng		
130 - 139	+ Đề án methadone (mua test XN + hội nghị + tập huấn)	805	-	805	-	
130 - 139	Kinh phí sửa chữa các đơn vị	21,424	-	21,424	-	-
131 - 139	- Sửa chữa Trung tâm Kiểm Nghiệm	9,347	-	9,347	-	
131 - 139	- Bổ sung KP sửa chữa Bệnh viện YHCT do thu hồi cuối năm 2020	1,699	-	1,699	-	
131 - 139	- Sửa chữa BV Đa liễu do thu hồi cuối năm 2020	2,213	-	2,213	-	
131 - 139	- Sửa chữa Bệnh viện ĐKKV Định Quán	8,165	-	8,165	-	
130 - 139	KP mua sắm trang thiết bị cho ngành y tế	95,700	-	95,700	-	-
131 - 139	+ Mua sắm trang thiết bị năm 2020 chưa hoàn tất	95,700	-	95,700	-	

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	Dự toán chưa giao
			Số tiết kiệm thực hiện CCTL	Dự toán đơn vị sử dụng		

Văn phòng Sở Y tế
1012512
1761

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm
1075022
1761

Chi cục D
1062436
1761

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		
-				-				-
3,100	-	-	-	400	-	-	-	-
-				-				-
3,100	-	-	-	400	-	-	-	-
				-				-
				400				-
100								
3,000	-	-	-	-	-	-	-	-
1,500				-				-
1,500				-				-
2,350	-	-	-	320	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-
-				-				-
2,350	-	-	-	320	-	-	-	-
2,350				320				-
-				-				-
750	-	-	-	80	-	-	-	-
-				-				-
750	-	-	-	80	-	-	-	-
-				-				-
-				80				-
-								
750	-	-	-	-	-	-	-	-
300				-				-
450				-				-

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		
128,318	983	127,335	917	2,783	101	2,682	298	3,008
7,250	257	6,993	917	2,783	101	2,682	298	3,008
6,582	242	6,340	917	2,143	86	2,057	298	2,330
3,962		3,962	917	1,288		1,288	298	1,520
2,420	242	2,178		855	86	769		810
200		200		-		-		-
668	15	653	-	640	15	625	-	678
496	-	496		445	-	445		390
22		22		28		28		-
150	15	135		-				-
				15		15		
								100
-	-	-		152	15	137		188
6,365	637	5,728	-	-	-	-	-	-
6,365	637	5,728	-	-	-	-	-	-
6,365	637	5,728		-				-
114,703	89	114,614	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-
-				-				-
-				-				-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-

[illegible]

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
0.0				0.0				0.0
-				0.0				0.0
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-
-				-				-
-				-				-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-		-				-
-				-				-
2,000		2,000		-				-
2,330		2,330		-				-
5,326	89	5,237	-	-	-	-	-	-
300	30	270		-				-
-				-				-
-				-				-
-								
1,526	59	1,467						
-				-				-
3,500		3,500						
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		
-				-				-
9,347	-	9,347	-	-	-	-	-	-
9,347		9,347						
-								
-								
-								
95,700	-	95,700	-	-	-	-	-	-
95,700	-	95,700						

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		

ân số KHHGD

Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo
1123644
1761

Bệnh viện đa khoa Đ
1073798
1761

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

DVT:

Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong
Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
			-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-	
			-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-	
			-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-	
			-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-	
			-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-	
			-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-	
			-				-	

Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong
Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
110	2,898	-	-	-	-	-	26,300	2,350
110	2,898	-	-	-	-	-	-	-
81	2,249	-	-	-	-	-	-	-
	1,520		-				-	
81	729		-				-	
			-				-	
29	649	-	-	-	-	-	-	-
-	390							
			-				-	
			-				-	
10	90							
19	169		-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-	
-	-	-	-	-	-	-	26,300	2,350
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-	
			-				-	
			-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-	
			-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-

[illegible]

Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong
Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-
			0.0				0.0	
			0.0				0.0	
-	-	-	-	-	-	-	23,500	2,350
			-				-	
			-				3,500	350
							20,000	2,000
-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-	
			-				-	
			-				-	
			-		-		2,800	
-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-	
			-				-	
			-				-	
			-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-	

Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong
Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
			-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-

Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong
Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương

Đồng Nai

Bệnh viện đa khoa Thống Nhất
1012513
1761

Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
1073743
1761

Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

g đó	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
		-				-			
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
		-				-			
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
		-				-			

g đó	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
				Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
	23,950	-	2,300	-	2,300	-	30	-	30	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-			
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
							-			
	23,950	-	2,300	-	2,300	-	30	-	30	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
							-			
							-			
							-			
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
							-		-	
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
							-			
							-			
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

[illegible]

g đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
						-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
						0.0			
						0.0			
21,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-
						-			
3,150						-			
18,000						-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-						-		-	
						-			
						-			
2,800		2,300		2,300		30		30	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
						-			
						-			
						-			
						-			
						-			
						-			
						-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
						-			

g đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
					-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-
					-			

g đó	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	

Bệnh viện Phổi
1073803
1761

Bệnh viện Da Liễu
1073802
1761

Bệnh viện ĐKKV Lo
1073799
1766

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tron
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tron Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			
10,600	-	10,600	-	9,645	86	9,559	-	450	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10,600	-	10,600	-	9,645	86	9,559	-	450	-
10,600	-	10,600	-	5,159	86	5,073	-	-	-
-	-	-	-	2,594	86	2,508	-	-	-
-				1,739		1,739		-	
-				855	86	769		-	
-				-				-	
10,600	-	10,600	-	2,565	-	2,565	-	-	-
10,600	-	10,600	-	2,565	-	2,565	-	-	-
10,600		10,600		2,565		2,565		-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tron
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	
-	-	-	-	4,486	-	4,486	-	450	-
-	-	-	-	125	-	125	-	-	-
-	-	-	-	125	-	125	-	-	-
-				125		125		-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	489	-	489	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				489		489		-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tron
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
0.0				0.0				0.0	
0.0				0.0				0.0	
-	-	-	-	1,659	-	1,659	-	-	-
-				1,659		1,659		-	
-				-				-	
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-		-		-		-		-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				450	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tron
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
-				-				-	
-	-	-	-	2,213	-	2,213	-	-	-
				-					
				-					
				2,213		2,213			
				-					
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tron
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương

ng Khánh

Bệnh viện ĐKKV Long Thành
1073794
1767

Bệnh viện ĐKKV Định Quán
1079060
1768

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

g đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
		-				-			
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
		-				-			

g đó	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
				Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
	450	-	140	-	140	-	8,465	-	8,465	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-			
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	450	-	140	-	140	-	8,465	-	8,465	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-			
			-				-			
			-				-			
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-		-		-			
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-			
			-				-			
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

[illegible]

g đó	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
				Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
			0.0				0.0			
			0.0				0.0			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-			
			-				-			
			-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-		-	-		-	-	-		-	
			-				-			
			-				-			
450		140		140		300		300		
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-			
			-				-			
			-				-			
			-				-			
			-				-			
			-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-			

g đó	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
		-				-			
-	-	-	-	-	-	8,165	-	8,165	-
						8,165		8,165	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			

g đó	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	

Bệnh viện Y dược cổ truyền
1079061
1761

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
1128359
1761

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			
-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			
-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			
-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			
-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			
-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			
-				-			

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
12,670	-	12,670	-	52,455	317	52,138	-
-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-
12,670	-	12,670	-	52,455	317	52,138	-
10,971	-	10,971	-	43,950	-	43,950	-
-	-	-	-	43,950	-	43,950	-
-				-			
-				-			
-				43,950		43,950	
10,971	-	10,971	-	-	-	-	-
10,971	-	10,971	-	-	-	-	-
10,971		10,971		-			
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			
-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
-				-			
-				-			
-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			
-				-			
1,699	-	1,699	-	8,505	317	8,188	-
-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	2,925	260	2,665	-
-				-			
-				-			
-				-			
-				-			
-				-			
-				388	39	349	
-				510	51	459	
-				204		204	
-				900	90	810	
-				795	80	715	
-				128		128	

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	4,500	-	4,500	-
-				4,500		4,500	
-	-	-	-	-	-	-	-
0.0				0.0			
0.0				0.0			
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			
-				-			
-				-			
-	-	-	-	240	-	240	-
-		-		-		-	
-				240		240	
-				-			
-				200		200	
-	-	-	-	640	57	583	-
-				-			
-				-			
-				-			
-				-			
-				-			
-				570	57	513	
-							
-	-	-	-	70	-	70	-
-				-			

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
-				70		70	
1,699	-	1,699	-	-	-	-	-
-							
1,699		1,699					
-							
-							
-	-	-	-	-	-	-	-
-				-			

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	

Trung tâm Kiểm nghiệm
1021522
1761

Trung tâm Giám định Y khoa
1025640
1761

Trung tâm Pháp Y
1028428
1761

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tron Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			
-				-				-	
-	-	-	-	3,200	-	-	-	-	-
-				-				-	
-	-	-	-	3,200	-	-	-	-	-
-				3,200				-	
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	
-	-	-	-	3,040	-	-	-	-	-
-	-	-	-	3,040	-	-	-	-	-
-				3,040				-	
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	
-	-	-	-	160	-	-	-	-	-
-				-				-	
-	-	-	-	160	-	-	-	-	-
-				160				-	
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tron Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			
4,632	140	4,492	-	2,055	-	2,055	-	2,650	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4,632	140	4,492	-	2,055	-	2,055	-	2,650	-
4,265	140	4,125	-	2,055	-	2,055	-	2,650	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	
4,265	140	4,125	-	2,055	-	2,055	-	2,650	-

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tron
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
-				2,055		2,055		2,650	
2,870		2,870		-				-	
1,395	140	1,255		-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-		-		-				-	
-		-		-				-	
367	-	367	-	-	-	-	-	-	-
217	-	217	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
217	-	217	-	-	-	-	-	-	-
217		217		-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tron
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lượng	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lượng	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lượng
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
0.0				0.0				0.0	
0.0				0.0				0.0	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-		-		-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
150	-	150	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	
150		150		-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tron
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-									
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tron
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương

Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa
1065904
1761

Trung tâm Y tế huyện Long Thành
1073738
1767

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

ng đó			Trong đó				Trong đó		
Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
		0.00				-			
-	-	0.00	-	0.00	-	-	-	-	-
		0.00				-			
-	-	0.00	-	0.00	-	-	-	-	-
		0.00				-			
		0.00				-			
-	-	0.00	-	0.00	-	-	-	-	-
		0.00				-			
		0.00				-			
-	-	0.00	-	0.00	-	-	-	-	-
-	-	0.00	-	0.00	-	-	-	-	-
		0.00				-			
		0.00				-			
-	-	0.00	-	0.00	-	-	-	-	-
		0.00				-			
		0.00				-			
-	-	0.00	-	0.00	-	-	-	-	-
		0.00				-			
-	-	0.00	-	0.00	-	-	-	-	-
		0.00				-			
		0.00				-			
-	-	0.00	-	0.00	-	-	-	-	-
		0.00				-			
		0.00				-			
-	-	0.00	-	0.00	-	-	-	-	-
		0.00				-			
		0.00				-			

g đó	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
				Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
	2,650	-	50,649	1,348.00	49,301	-	23,551	431	23,120	70.00
	-	-	0	-	0	-	-	-	-	-
	-	-	0	-	0	-	-	-	-	-
			0				-			
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	0	-	0	-	-	-	-	-
	-	-	0	-	0	-	-	-	-	-
	2,650	-	50,649	1,348.00	49,301	-	23,551	431	23,120	70.00
	2,650	-	49,621	1,348	48,273	-	22,701	431	22,270	70.00
	-	-	5,738	225	5,513	-	7,270	-	7,270	-
			3,488		3,488	-	-			
			2,250	225	2,025		-			
			0				7,270		7,270	
	-	-	42,889	1,082.00	41,807	-	14,657	404	14,253	70
	-	-	10,359	-	10,359	-	-	-	-	-
			10,359		10,359		-			
	-	-	32,530	1,082	31,448	-	14,657	404	14,253	70
			21,709		21,709		10,621		10,621	70
			10,821	1,082	9,739		4,036	404	3,632	
	2,650	-	0	-	0	-	-	-	-	-

[illegible]

g đó	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
				Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
-	-	0	-	0	-	-	-	-	-	-
-	-	0	-	0	-	-	-	-	-	-
		0				-				
-	-	11	-	11	-	494	-	494		-
		11		11		494		494		
		0.0				-				
-	-	0.00	-	0.00	-	-	-	-	-	-
		0.00				-				
		0.00				-				
		0.00				-				
-	-	216	-	216	-	240	-	240		-
-		0		0		-			-	
		216		216		240			240	
		0				-				
		350		350		-				
-	-	70	-	70	-	50	-	50		-
		0				-				
		0				-				
		0				-				
		0				-				
		0				-				
		0				-				
-	-	70	-	70	-	50	-	50		-
		0				-				

ng đó	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
		70		70		50		50	
-	-	0	-	0	-	-	-	-	-
-	-	0	-	0	-	-	-	-	-
		0				-			

g đó			Trong đó				Trong đó		
Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị

Trung tâm Y tế TP. Long Khánh
1077451
1766

Trung tâm Y tế huyện Định Quán
1065903
1768

Trung tâm Y tế huyện Định Quán
1021518
1764

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tror Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-
0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00				-				-	

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tror Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			
18,980	275	18,705	50	26,498	411	26,087	50	30,295	785
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18,980	275	18,705	50	26,498	411	26,087	50	30,295	785
18,418	275	18,143	50	25,684	411	25,273	50	29,136	785
5,498	-	5,498	-	7,783	-	7,783	-	5,312	185
-				-				3,467	
-				-				1,845	185
5,498		5,498		7,783		7,783		-	
12,315	248	12,067	50	17,070	384	16,686	50	22,947	573
-	-	-	-	-	-	-	-	4,198	-
-				-				4,198	
12,315	248	12,067	50	17,070	384	16,686	50	18,749	573
9,830		9,830	50	13,229		13,229	50	13,019	
2,485	248	2,237		3,841	384	3,457		5,730	573
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

[illegible]

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tror Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lượng
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lượng	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lượng	Dự toán đơn vị sử dụng			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	-
81	-	81	-	467	-	467	-	354.1	-
81		81		467		467		354.1	
0.0				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
240	-	240	-	216	-	216	-	240	-
-		-		-		-		-	
240		240		216		216		240	
-				-				-	
-				-				100	
150	-	150	-	50	-	50	-	150	-
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
150	-	150	-	50	-	50	-	150	-
-				-				-	

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tror
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
150		150		50		50		150	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tror
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương

ện Trảng Bom

Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất

1046430

1771

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

ng đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
		-			
-	-	-	-	-	-
		-			
-	-	-	-	-	-
		-			
		-			
		-			
-	-	-	-	-	-
		-			
		-			
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
		-			
		-			
-	-	-	-	-	-
		-			
		-			
-	-	-	-	-	-
		-			
		-			
-	-	-	-	-	-
		-			
		-			
-	-	-	-	-	-
		-			
		-			
-	-	-	-	-	-
		-			
		-			

ng đó	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
29,510	802	21,962	449	21,513	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
		-			
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
29,510	802	21,962	449	21,513	-
28,351	802	20,961	449	20,512	-
5,127	802	4,399	153	4,246	-
3,467	802	2,869		2,869	-
1,660		1,530	153	1,377	
		-			
22,374	-	15,802	269	15,533	-
4,198	-	4,980	-	4,980	-
4,198		4,980		4,980	
18,176	-	10,822	269	10,553	-
13,019		8,133		8,133	
5,157		2,689	269	2,420	
-	-	-	-	-	-

[illegible]

ng đó	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
				Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-
		-				
354.1	-	225	-	225	-	
354.1		225.4		225.4		
		-				
-	-	-	-	-	-	-
		-				
		-				
		-				
240	-	72	-	72	-	
-		-		-		
240		72		72		
		-				
100		100		100		
150	-	50	-	50	-	
		-				
		-				
		-				
		-				
		-				
		-				
150	-	50	-	50	-	
		-				

ng đó	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
				Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
	150		50		50	
	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-
			-			

ng đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	

Trung tâm Y tế huyện Tân Phú
1073805
1763

Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc
1025637
1765

Trung tâm Y tế huyện...
1027521
1762

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tror
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-	-
0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-	-
0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00				-				-	
0.00	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-	-
0.00				-				-	
0.00				-				-	

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tror Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			
33,427	562	32,865	440	35,427	713	34,714	100	32,282	507
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
33,427	562	32,865	440	35,427	713	34,714	100	32,282	507
32,524	562	31,962	440	33,812	713	33,099	100	31,185	507
5,359	221	5,138	350	6,416	221	6,195	100	4,553	144
3,154		3,154	350	4,211		4,211	100	3,113	
2,205	221	1,984		2,205	221	1,984		1,440	144
-				-				-	
26,357	314	26,043	90.00	26,596	465	26,131	-	25,897	336
10,059	-	10,059	-	8,521	-	8,521	-	14,923	-
10,059		10,059		8,521		8,521		14,923	
16,298	314	15,984	90.00	18,075	465	17,610	-	10,974	336
13,159		13,159	90.00	13,427		13,427		7,611	
3,139	314	2,825		4,648	465	4,183		3,363	336
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

[illegible]

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tror Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
456	-	456	-	451	-	451	-	306	-
456		456		451		451		306	
-				-				-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-	-	-	-	216	-	216	-	192	-
-		-		-		-		-	
-				216		216		192	
-				-				-	
100		100		300		300		100	
-	-	-	-	165	-	165	-	50	-
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-				-				-	
-	-	-	-	165	-	165	-	50	-
-				-				-	

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tro
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương
-				165		165		50	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-				-				-	

TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Tror
	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương

ện Vĩnh Cửu

Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch

Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ

1046172

1021514

1769

1772

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

ng đó			Trong đó				Trong đó		
Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
		0.00				-			
-	-	0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-
		0.00				-			
-	-	0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-
		0.00				-			
		0.00				-			
-	-	0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-
		0.00				-			
		0.00				-			
-	-	0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-
-	-	0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-
		0.00				-			
		0.00				-			
-	-	0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-
		0.00				-			
		0.00				-			
-	-	0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-
		0.00				-			
-	-	0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-
		0.00				-			
		0.00				-			
-	-	0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-	-
		0.00				-			
		0.00				-			

ng đó	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
				Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
	31,775	-	28,579	612	27,967	430	24,469	516	23,953	150
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-			
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	31,775	-	28,579	612	27,967	430	24,469	516	23,953	150
	30,678	-	27,566	612	26,954	430	23,505	516	22,989	150
	4,409	-	4,325	158	4,167	50	5,922	203	5,719	80
	3,113		2,750		2,750	50	3,897		3,897	80
	1,296		1,575	158	1,417		2,025	203	1,822	
			-				-			
	25,561	-	22,546	427	22,119	380	16,885	286	16,599	70
	14,923	-	9,926	-	9,926	-	4,000	-	4,000	-
	14,923		9,926		9,926		4,000		4,000	
	10,638	-	12,620	427	12,193	380	12,885	286	12,599	70
	7,611		8,345		8,345	380	10,027		10,027	70
	3,027		4,275	427	3,848		2,858	286	2,572	
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

ng đó	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lượng	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lượng	Dự toán đơn vị sử dụng	
		-				-			
		-				-			
		-				-			
708	-	695	27	668	-	698	27	671	-
465		425		425		428		428	
243		270	27	243		270	27	243	
1,097	-	1,013	-	1,013	-	964	-	964	-
449	-	455	-	455	-	467	-	467	-
354	-	365	-	365	-	402	-	402	-
354		365		365		402		402	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
95	-	90	-	90	-	65	-	65	-
95		90		90		65		65	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
		-				-			
		-				-			
		-				-			
		-				-			
		-				-			
		-				-			
		-				-			
		-				-			
		-				-			
		-				-			
		-				-			
		-				-			
		-				-			
		-				-			
		-				-			

ng đó	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
306	-	258	-	258	-	397	-	397	-
306		257.5		257.5		397		397	
		0.0				-		-	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
		-				-			
		-				-			
192	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-		-		-		-		-	
192		-				-			
		-				-			
100		300		300		100		100	
50	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			
		-				-			
		-				-			
		-				-			
		-				-			
		-				-			
50	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		-				-			

ng đó	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
				Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
	50		-				-			
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
			-				-			

ng đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	

Đơn vị:
Mã số:
Mã KBNN nơi giao dịch:

Nội dung

TỔNG DỰ
TOÁN

Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
Số thu phí, lệ phí	6180
Lệ phí	0
Phí	6180
- Thu phí Giám định Y khoa	2800
- Thu phí An toàn vệ sinh thực phẩm	280
- Thu phí thăng hạng	100
- Thu phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm, y tế	3000
+ Y	1500
+ Dược	1500
Chi từ nguồn thu phí được để lại	5234
Chi sự nghiệp y tế	2660
Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2660
Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
Chi quản lý hành chính	2574
Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2574
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
Số phí, lệ phí nộp NSNN	946
Lệ phí	0
Phí	946
- Thu phí Giám định Y khoa	140
- Thu phí An toàn vệ sinh thực phẩm	56
- Thu phí thăng hạng	0
- Thu phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm, y tế	750
+ Y	300
+ Dược	450

Dự toán chi ngân sách nhà nước	800,381	#####
Chi quản lý hành chính	12,476	565
- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10,857	198
+ Chi con người	6,572	198
+ Chi hoạt động	4,085	-
+ Kinh phí trích 30% sau thu hồi thanh tra	200	-
- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1,619	367
+ Chi hoạt động hợp đồng 161	635	696
+ Kinh phí mua trang phục thanh tra	50	-
+ Kinh phí xử phạt hành chính	150	-
+ Kinh phí chỉnh lý hồ sơ, tài liệu	88	252
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	13,728	(7,363)
Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13,728	(7,363)
- Kinh phí đào tạo nguồn nhân lực ngành y	13,728	(7,363)
Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	772,850	#####
Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	418,179	(23,416)
Y tế dự phòng	109,058	61
+ Chi con người (biên chế)	28,582	106
+ Chi hoạt động (biên chế)	15,975	(45)
+Hỗ trợ một phần kinh phí YTDP	64,501	-
Khám bệnh, chữa bệnh	291,330	(23,233)
- Bệnh viện	112,452	(21,350)
+ Hỗ trợ một phần khối điều trị	112,452	(21,350)
- Trạm Y tế	178,878	(1,883)
+ Chi con người (biên chế)	130,191	(1,081)
+ Chi hoạt động	48,687	(802)
Y tế khác	4,705	4,265

+ Hỗ trợ một phần y tế khác	4,705	-
+ Chi con người (biên chế)	-	
+ Chi hoạt động (biên chế)	-	
Dân số	13,086	(4,509)
+ Chi con người (biên chế)	8,586	
+ Chi hoạt động (biên chế)	4,500	
Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	354,671	#####
Kinh phí cho biên chế hợp đồng	4,031	-
Y tế dự phòng	3,022	(112)
+ Chi con người hợp đồng 161	1,717	1,193
Khám bệnh, chữa bệnh- Trạm y tế Xã	95	-
+ Chi con người hợp đồng 161	50	45
Y tế khác	226	(9)
+ Chi con người hợp đồng 161	136	81
Dân số	688	121
+ Chi con người hợp đồng 161	238	571
Các chương trình phòng bệnh khác	4,282	(868)
Phù kín nha học đường	-	-
Phòng chống bệnh nghề nghiệp	280	(280)
Phòng chống tai nạn thương tích	510	(510)
Tiền ăn miễn phí bệnh nhân lao	100	(100)
Tiền ăn miễn phí bệnh nhân phong	571	(82)
Tạp chí sức khỏe Đồng Nai	394	(6)
Thông tin tuyên truyền trên đài phát thanh, truyền hình, báo Đồng Nai	465	45
KP đối ứng dự án sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin	204	-
Phòng chống dịch bệnh tay chân miệng	1,000	(100)
Phòng chống dịch bệnh khác	600	195
KP đối ứng quỹ toàn cầu	158	(30)

Hỗ trợ Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số	54,288	(54,288)
Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	5,000	(500)
Dự án 2: Vệ sinh nông thôn	5,000	(500)
- Kinh phí trợ cấp y tế thôn bản	4,903	(1,403)
+ Trợ cấp y tế thôn bản	3,211.3	288.7
+ Trợ cấp y tế khu phố	1,692	(1,692)
- Kinh phí đặt hàng khám chữa bệnh	23,302	1,857
+ KP đặt hàng Bệnh viện Da liễu_ Bệnh nhân phong	2,035	(376)
+ KP hoạt động quản lý Khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	3,400	100
+ KP khám chữa bệnh, mua thuốc cho khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	17,867	2,133
- Kinh phí trợ cấp thu hút ngành y	22,388	(20,516)
+ Kinh phí trợ cấp; hỗ trợ bác sĩ	20516	(20,516)
+ Trợ cấp đặc thù (methadone)	1872	-
- Kinh phí hỗ trợ mua thẻ BHYT cho đối tượng nhiễm HIV/AIDS	2000	-
- Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo	5000	5,000
- Các hoạt động khác	9245	(2,394)
Hoạt động điều dưỡng, Hoạt động ngành	300	-
TĐ - CQG về y tế xã, phường	0	-
Tiền mua mẫu kiểm nghiệm	150	-
KP hợp phần biến đổi khí hậu Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	274	(274)
KP lập hồ sơ, quản lý sức khỏe người dân	3526	(2,000)
Khám tuyển nghĩa vụ quân sự	530	40
<i>Kinh phí Khám sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy quản lý</i>	<i>3400</i>	<i>100</i>
Đề án methadone (mua test xét nghiệm, ...)	1065	(260)
+ Đề án methadone (mua thuốc+ triển khai thêm điểm mới)	0	-

+ Đề án methadone (mua test + hội nghị + tập huấn)	1065	(260)
Kinh phí sửa chữa các đơn vị	5232	16,192
- Sửa chữa Trung tâm Kiểm Nghiệm	5232	4,115
- Sửa chữa Bệnh viện YHCT	0	1,699
- Sửa chữa Trung tâm YT huyện Thống Nhất	0	2,213
- Sửa chữa Bệnh viện ĐKKV Định Quán	0	8,165
KP mua sắm trang thiết bị cho ngành y tế	215000	#####
+ Mua sắm thiết bị y tế cho bv Nhi Đồng và Bv Thống Nhất	116000	(20,300)

Tập huấn Y tế thôn bản	0	150
Hoạt động thực hiện CS quốc gia về YHCT	0	-

TỔNG HỢP TIỀN HỖ TRỢ

STT	Đối tượng	Số lượng	Thời gian hưởng	Mức thu hút một lần/ Hỗ trợ mỗi tháng	Hỗ trợ
					Thuê nhà
					(850.000 * số tháng hưởng)
	HỖ TRỢ THU HÚT		Năm		485,350,000
1	Bệnh viện ĐKKV Định Quán				96,900,000
2	Bệnh viện ĐKKV Long Khánh				137,700,000
3	Bệnh viện ĐKKV Long Thành				-
4	Bệnh viện Da liễu				9,350,000
5	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ				165,750,000
6	Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom				8,500,000
7	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu				30,600,000
8	Trung tâm Y tế huyện Định Quán				5,950,000
9	Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc				20,400,000
10	Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất				-
11	Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch				10,200,000
	HỖ TRỢ BÁC SĨ		Tháng		
1	Bệnh viện Nhi	151			
	BS chính quy	139	12	1,800,000	
	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	12	12	1,200,000	
2	Bệnh viện Da liễu	21			
	BS chính quy	10	12	1,800,000	
	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	11	12	1,200,000	
3	Bệnh viện Y Dược CT	35			
	BS chính quy	13	12	1,800,000	
	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	22	12	1,200,000	
4	Bệnh viện Phổi	19			
	BS chính quy	5	12	1,800,000	
	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	14	12	1,200,000	
5	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	66			
	BS chính quy	47	12	1,800,000	
	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	19	12	1,200,000	
6	Trung tâm Y tế dự phòng	29			
	BS chính quy	19	12	1,800,000	
	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	10	12	1,200,000	
7	Trung tâm PC HIV/AIDS	9			
	BS chính quy	5	12	1,800,000	
	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	4	12	1,200,000	
8	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	37			

		BS chính quy	24	12	1,800,000	
		BS chuyên tu; LT; ĐCSD	13	12	1,200,000	
9	Trung tâm Pháp y		4			
		BS chính quy	2	12	1,800,000	
		BS chuyên tu; LT; ĐCSD	2	12	1,200,000	
10	Trung tâm Giám định y khoa		4			
		BS chính quy	2	12	1,800,000	
		BS chuyên tu; LT; ĐCSD	2	12	1,200,000	
11	Trung tâm Y tế TP.Biên Hòa		31			
	TYT	BS chính quy	1	12	2,400,000	
	TYT	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	30	12	1,800,000	
12	Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom		73			
		BS chính quy	11	12	1,800,000	
		BS chuyên tu; LT; ĐCSD	44	12	1,200,000	
	TYT	BS chính quy	1	12	2,400,000	
	TYT	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	17	12	1,800,000	
13	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu		57			
		BS chính quy	16	12	1,800,000	
		BS chuyên tu; LT; ĐCSD	31	12	1,200,000	
	TYT	BS chính quy	2	12	2,400,000	
	TYT	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	8	12	1,800,000	
14	Trung tâm Y tế TP.Long Khánh		15			
	TYT	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	15	12	1,800,000	
15	Trung tâm Y tế huyện Long Thành		22			
	TYT	BS chính quy	1	12	2,400,000	
	TYT	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	21	12	1,800,000	
16	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ		77			
		BS chính quy	30	12	1,800,000	
		BS chuyên tu; LT; ĐCSD	32	12	1,200,000	
	TYT	BS chính quy	2	12	2,400,000	
	TYT	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	13	12	1,800,000	
17	Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất		54			
		BS chính quy	10	12	1,800,000	
		BS chuyên tu; LT; ĐCSD	30	12	1,200,000	
	TYT	BS chính quy	1	12	2,400,000	
	TYT	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	13	12	1,800,000	
18	Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc		69			
		BS chính quy	21	12	1,800,000	
		BS chuyên tu; LT; ĐCSD	31	12	1,200,000	
	TYT	BS chính quy	2	12	2,400,000	
	TYT	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	15	12	1,800,000	
19	Trung tâm Y tế huyện Tân Phú		54			

		BS chính quy	7	12	1,800,000	
		BS chuyên tu; LT; ĐCSD	31	12	1,200,000	
	TYT	BS chính quy	1	12	2,400,000	
	TYT	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	15	12	1,800,000	
20	Trung tâm Y tế huyện Định Quán		33			
		BS chính quy	4	12	1,800,000	
		BS chuyên tu; LT; ĐCSD	10	12	1,200,000	
	TYT	BS chính quy	1	12	2,400,000	
	TYT	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	18	12	1,800,000	
21	Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch		46			
		BS chính quy	10	12	1,800,000	
		BS chuyên tu; LT; ĐCSD	25	12	1,200,000	
	TYT	BS chính quy	2	12	2,400,000	
	TYT	BS chuyên tu; LT; ĐCSD	9	12	1,800,000	
	HỖ TRỢ ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ					
	Hỗ trợ ĐT bác sĩ nội trú			Tháng		
1		Bệnh viện đa khoa Đồng Nai	4	12	1,800,000	
2		Bệnh viện Nhi	1	12	1,800,000	
	Hỗ trợ học phí/ năm			Năm		
1		Bệnh viện đa khoa Đồng Nai	3	1	17,700,000	
			1	1	22,000,000	
2		Bệnh viện Nhi	1	1	17,700,000	
	TRỢ CẤP ĐẶC THÙ METHADOL			Tháng		
1		TT Kiểm soát bệnh tật	10	12	2,000,000	
2		TTYT TP.Biên Hòa	9	12	2,000,000	
3		TTYT TP.Long Khánh	10	12	2,000,000	
4		TTYT huyện Long Thành	10	12	2,000,000	
5		TTYT huyện Trảng Bóm	10	12	2,000,000	
6		TTYT huyện Định Quán	10	12	2,000,000	
7		TTYT huyện Xuân Lộc	9	12	2,000,000	
8		TTYT huyện Vĩnh Cửu	8	12	2,000,000	

Hỗ trợ thu hút

Thuê nhà

Đối tượng nữ

Hỗ trợ bác sĩ

Bác sĩ nội trú

Hỗ trợ đào tạo

Học phí

Trợ cấp đặc thù Methadol

TỔNG

II, TRỢ CẤP ĐẶC THÙ NĂM 2020

Nội dung					Ghi chú
thu hút	Hỗ trợ			Trợ cấp đặc thù tại các cơ sở điều trị Methadon	
Đối tượng nữ (850.000 * số tháng hưởng)	Bác sĩ (Mức hưởng * số tháng hưởng)	Đào tạo Bác sĩ nội trú (1.800.000 * số tháng hưởng)	Đào tạo Bác sĩ nội trú (Học phí)	(2.000.000 * số tháng hưởng)	
255,850,000					
27,200,000					
45,900,000					
10,200,000					
9,350,000					
102,000,000					
-					
20,400,000					
-					
20,400,000					
10,200,000					
10,200,000					
	17,200,800,000				
	3,175,200,000				
	3,002,400,000				
	172,800,000				
	374,400,000				
	216,000,000				
	158,400,000				
	597,600,000				
	280,800,000				
	316,800,000				
	309,600,000				
	108,000,000				
	201,600,000				
	1,288,800,000				
	1,015,200,000				
	273,600,000				
	554,400,000				
	410,400,000				
	144,000,000				
	165,600,000				
	108,000,000				
	57,600,000				
	705,600,000				

	518,400,000				
	187,200,000				
	72,000,000				
	43,200,000				
	28,800,000				
	72,000,000				
	43,200,000				
	28,800,000				
	676,800,000				
	28,800,000				
	648,000,000				
	1,267,200,000				
	237,600,000				
	633,600,000				
	28,800,000				
	367,200,000				
	1,022,400,000				
	345,600,000				
	446,400,000				
	57,600,000				
	172,800,000				
	324,000,000				
	324,000,000				
	482,400,000				
	28,800,000				
	453,600,000				
	1,447,200,000				
	648,000,000				
	460,800,000				
	57,600,000				
	280,800,000				
	957,600,000				
	216,000,000				
	432,000,000				
	28,800,000				
	280,800,000				
	1,281,600,000				
	453,600,000				
	446,400,000				
	57,600,000				
	324,000,000				
	950,400,000				

	151,200,000				
	446,400,000				
	28,800,000				
	324,000,000				
	648,000,000				
	86,400,000				
	144,000,000				
	28,800,000				
	388,800,000				
	828,000,000				
	216,000,000				
	360,000,000				
	57,600,000				
	194,400,000				
		108,000,000			
		86,400,000			
		21,600,000			
			92,800,000		
			53,100,000		
			22,000,000		
			17,700,000		
				1,824,000,000	
				240,000,000	240
				216,000,000	240
				240,000,000	240
				240,000,000	240
				240,000,000	240
				240,000,000	240
				240,000,000	240
				216,000,000	240
				192,000,000	192

741,200,000
485,350,000
255,850,000
16,480,800,000
200,800,000
108,000,000
92,800,000
1,824,000,000
18,505,600,000

x

x

x

x

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI**Chương: 423****PHỤ LỤC**

(Kèm theo Quyết định số 2186/QĐ-SYT ngày 25/12/2019 của Giám đốc Sở Y tế Đồng Nai)

Đơn vị: **Văn phòng Kế toán**Mã số: **1012512**Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	254,026
340 - 341	Chi quản lý hành chính	7,576
340 - 341	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6,677
340 - 341	+ Chi con người	4,057
340 - 341	+ Chi hoạt động	2,420
340 - 341	+ Kinh phí trích 30% sau thu hồi thanh tra	200
340 - 341	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	899
340 - 341	+ Chi con người hợp đồng 161	351
340 - 341	+ Chi hoạt động hợp đồng 161	275
340 - 341	+ Kinh phí mua trang phục thanh tra	35
340 - 341	+ Kinh phí xử phạt hành chính	150
340 - 341	+ Kinh phí chỉnh lý hồ sơ, tài liệu	88
070	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	13,728
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13,728
070 - 085	- Kinh phí đào tạo nguồn nhân lực ngành y	13,728
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	232,722
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	232,722
130 - 131	Hỗ trợ Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số	180
130 - 131	Dự án 3 Dân số và phát triển	120

130 - 131	- Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa trên cộng đồng	120
130 - 131	Dự án 7 Quân dân y kết hợp	60
130-139	- Kinh phí trợ cấp thu hút ngành y	3,084
130 - 139	+ Kinh phí trợ cấp; hỗ trợ bác sĩ	3,084
130 - 139	+ Trợ cấp đặc thù (methadone)	-
130 - 139	- Kinh phí hỗ trợ mua thẻ BHYT cho đối tượng nhiễm HIV/AIDS	2,000
130 - 139	- Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo	-
130 - 139	- Các hoạt động khác	7,226
130 - 139	Hoạt động điều dưỡng, Hoạt động ngành	300
130 - 139	KP lập hồ sơ, quản lý sức khỏe người dân	3,526
131 - 139	Kinh phí Khám sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy quản lý	3,400
130 - 139	Kinh phí sửa chữa các đơn vị	5,232
	- Sửa chữa Trung tâm Kiểm Nghiệm	5,232
130 - 139	KP mua sắm trang thiết bị cho ngành y tế	215,000
130-139	+ Mua sắm thiết bị y tế cho bv Nhi Đồng và Bv Thống Nhất	116,000
130-139	+ Mua sắm bổ sung TTBYT cho các bệnh viện công lập	49,500
130-139	+ Mua sắm bổ sung TTBYT cho các cơ sở y tế	49,500
250	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
250 - 261	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-

*** Ghi chú:**

- Việc tổ chức thực hiện dự toán năm 2020, đề nghị đơn vị thực hiện theo hướng dẫn tại ngày 10/12/2019 của Sở Tài chính

1

2

tốc Sở Y tế)

Sở Y tế

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm

1075022

1761

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu

Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
18,611	235,415	971	3,483	103	3,380
285	7,291	971	2,434	103	2,331
242	6,435	971	2,104	85	2,019
	4,057	971	1,249		1,249
242	2,178		855	85	770
	200		-		-
43	856	-	330	18	312
	351		135		135
27	248		180	18	162
	35		15		15
	150		-		
16	72		-		
1,372	12,356	-	-	-	-
1,372	12,356	-	-	-	-
1,372	12,356		-		
16,954	215,768	-	1,049	-	1,049
-	-	-	-	-	-
16,954	215,768	-	1,049	-	1,049
-	180	-	1,049	-	1,049
-	120	-	-	-	-

	120		-		
	60		-		
3,084	-	-	-	-	-
3,084			-		
			-		
	2,000		-		
			-		
-	7,226	-	-	-	-
	300		-		
	3,526				
	3,400				
-	5,232	-	-	-	-
	5,232				
13,870	201,130	-	-	-	-
4,870	111,130				
4,500	45,000				
4,500	45,000				
-	-	-	-	-	-
			-		

i Văn bản số 7011/STC-TCHCSN

Chi cục Dân số KHHGD
1062436
1761

Quỹ khám c
1123644
1761

đồng

ĐVT: Triệu đồng

Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		
298	14,603	99	14,504	-	5,000
298	2,466	99	2,367	-	-
298	2,076	81	1,995	-	-
298	1,266		1,266		-
	810	81	729		-
	-				-
-	390	18	372	-	-
	210		210		
	180	18	162		
	-				-
	-				-
	-				-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
	-				-
-	12,137	-	12,137	-	5,000
-	-	-	-	-	-
-	12,137	-	12,137	-	5,000
-	12,137	-	12,137	-	-
-	12,137	-	12,137	-	-

	-				-
	-				-
-	-	-	-	-	-
	-				-
	-				-
	-				-
	-				-
	-				5,000
-	-	-	-	-	-
	-				-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
	-				-

hũu bệnh cho người

Bệnh viện đa khoa Đồng Nai

1073798

1761

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
-	5,000	-	21,656	-	21,656
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
			-		
			-		
			-		
-	-	-	-	-	-
			-		
			-		
			-		
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
			-		
-	5,000	-	21,656	-	21,656
-	-	-	-	-	-
-	5,000	-	21,656	-	21,656
-	-	-	227	-	227
-	-	-	-	-	-

			-		
			-		
-	-	-	162	-	162
			162		162
			-		
			-		
	5,000		-		
-	-	-	-	-	-
			-		
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
			-		

Bệnh viện đa khoa Thống Nhất
1012513
1761

Bệnh viện N
1073743
1761

ĐVT: Triệu đồng

Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		
-	-	-	-	-	18,565
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
	-				-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
					-
-	-	-	-	-	18,565
-	-	-	-	-	15,350
-	-	-	-	-	3,215
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-

					-
					-
-	-	-	-	-	3,215
					3,215
					-
					-
					-
-	-	-	-	-	-
					-
					-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
					-
					-
					-
-	-	-	-	-	-
					-

25,640

Thị đồng Đồng Nai

Bệnh viện Phổi

1073803

1761

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
-	18,565	-	12,918	-	12,918
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
			-		
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	18,565	-	12,918	-	12,918
-	15,350	-	10,600	-	10,600
-	3,215	-	2,318	-	2,318
-	-	-	1,908	-	1,908
-	-	-	-	-	-

			-		
			-		
-	3,215	-	310	-	310
	3,215		310		310
			-		
			-		
			-		
-	-	-	-	-	-
			-		
			-		
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
			-		
			-		
			-		
-	-	-	-	-	-
			-		

Bệnh viện Da Liễu
1073802
1761

Bệnh viện Đ
1073799
1766

DVT: Triệu đồng

Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		
-	8,913	-	8,913	-	184
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
	-				-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	8,913	-	8,913	-	184
-	5,146	-	5,146	-	-
-	3,767	-	3,767	-	184
-	642	-	642	-	-
-	-	-	-	-	-

	-				-
	-				-
-	394	-	394	-	184
	394		394		184
	-				-
	-				-
	-				-
-	-	-	-	-	-
	-				-
	-				-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
	-				-
	-				-
	-				-
-	-	-	-	-	-
	-				-

10

11

ĐKKV Long Khánh

Bệnh viện ĐKKV Long Thành

1073794

1767

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
-	184	-	6,011	-	6,011
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
			-		
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	184	-	6,011	-	6,011
-	-	-	6,000	-	6,000
-	184	-	11	-	11
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-

			-		
			-		
-	184	-	11	-	11
	184		11		11
			-		
			-		
			-		
-	-	-	-	-	-
			-		
			-		
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
			-		
			-		
			-		
-	-	-	-	-	-
			-		

19,231

Bệnh viện ĐKKV Định Quán
1079060
1768

Bệnh viện Y
1079061
1761

DVT: Triệu đồng

Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		
-	1,414	-	1,414	-	11,569
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
	-				-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	1,414	-	1,414	-	11,569
-	-	-	-	-	10,971
-	1,414	-	1,414	-	598
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-

	-				-
	-				-
-	1,414	-	1,414	-	598
	1,414		1,414		598
	-				-
	-				-
	-				-
-	-	-	-	-	-
	-				-
	-				-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
	-				-
	-				-
	-				-
-	-	-	-	-	-
	-				-

21,174

2,409

13

14

được cổ truyền

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

1128359

1761

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
-	11,569	-	92,872	-	92,872
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
			-		
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	11,569	-	92,556	-	92,556
-	10,971	-	43,950	-	43,950
-	598	-	48,606	-	48,606
-	-	-	38,145	-	38,145
-	-	-	5,777	-	5,777

			-		
			-		
-	598	-	946	-	946
	598		706		706
			240		240
			-		
			-		
-	-	-	904	-	904
			-		
			-		
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
			-		
			-		
			-		
-	-	-	316	-	316
			316		316

Trung tâm Kiểm nghiệm
1021522
1761

Trung tâm C
1025640
1761

ĐVT: Triệu đồng

Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		
-	4,656	148	4,508	-	2,127
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
	-				-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	4,630	148	4,482	-	2,127
-	4,254	139	4,115	-	2,055
-	376	9	367	-	72
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-

	-				-
	-				-
-	-	-	-	-	72
	-				72
	-				-
	-				-
	-				-
-	150	-	150	-	-
	-				-
	-				-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
	-				-
	-				-
	-				-
-	26	-	26	-	-
	26		26		-

Giám định Y khoa

Trung tâm Pháp Y

1028428

1761

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
-	2,127	-	2,722	-	2,722
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
			-		
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	2,127	-	2,722	-	2,722
-	2,055	-	2,650	-	2,650
-	72	-	72	-	72
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-

			-		
			-		
-	72	-	72	-	72
	72		72		72
			-		
			-		
			-		
-	-	-	-	-	-
			-		
			-		
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
			-		
			-		
			-		
-	-	-	-	-	-
			-		

Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa
1065904
1761

Trung tâm Y
1073738
1767

DVT: Triệu đồng

Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		
-	52,433	-	52,433	80	23,651
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
	-				-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	52,343	-	52,343	80	23,531
-	50,058	-	50,058	80	22,143
-	2,285	-	2,285	-	1,388
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-

	-				-
	-				-
-	917	-	917	-	723
	677		677		483
	240		240		240
	-				-
	-				-
-	120	-	120	-	100
	-				-
	-				-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
	-				-
	-				-
	-				-
-	90	-	90	-	120
	90		90		120

3,445

-

Y tế huyện Long Thành

Trung tâm Y tế thị xã Long Khánh

1077451

1766

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
-	23,651	-	19,654	-	19,654
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
			-		
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	23,531	-	19,629	-	19,629
-	22,143	-	18,500	-	18,500
-	1,388	-	1,129	-	1,129
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-

			-		
			-		
-	723	-	564	-	564
	483		324		324
	240		240		240
			-		
			-		
-	100	-	200	-	200
			-		
			-		
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
			-		
			-		
			-		
-	120	-	25	-	25
	120		25		25

Trung tâm Y tế huyện Định Quán
1065903
1768

Trung tâm Y
1021518
1764

ĐVT: Triệu đồng

Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		
-	28,211	-	28,211	-	31,387
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
	-				-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	28,016	-	28,016	-	31,298
-	26,287	-	26,287	-	28,914
-	1,729	-	1,729	-	2,384
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-

	-				-
	-				-
-	894	-	894	-	1,516
	654		654		1,276
	240		240		240
	-				-
	-				-
-	165	-	165	-	165
	-				-
	-				-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
	-				-
	-				-
	-				-
-	195	-	195	-	89
	195		195		89

-

13,771

Y tế huyện Trảng Bom

ĐVT: Triệu đồng

Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
-	31,387	938	23,155	-	23,155
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
			-		
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	31,298	938	23,109	-	23,109
-	28,914	938	21,310	-	21,310
-	2,384	-	1,799	-	1,799
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-

Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất

1046430

1771

ĐVT: Triệu đồng

			-		
			-		
-	1,516	-	968	-	968
	1,276		968		968
	240		-		
			-		
			-		
-	165	-	-	-	-
			-		
			-		
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
			-		
			-		
			-		
-	89	-	46	-	46
	89		46		46

9,409

Trung tâm Y tế huyện Tân Phú
1073805
1763

Trung tâm Y
1025637
1765

DVT: Triệu đồng

Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		
157	34,993	-	34,993	670	37,011
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
	-				-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
157	34,936	-	34,936	670	36,829
157	33,143	-	33,143	670	34,147
-	1,793	-	1,793	-	2,682
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-

	-				-
	-				-
-	951	-	951	-	1,563
	951		951		1,323
	-				240
	-				-
	-				-
-	-	-	-	-	165
	-				-
	-				-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
	-				-
	-				-
	-				-
-	57	-	57	-	182
	57		57		182

6,641

12,449

Y tế huyện Xuân Lộc

Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu

1027521

1762

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
-	37,011	787	34,005	-	34,005
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
			-		
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	36,829	787	33,967	-	33,967
-	34,147	787	31,854	-	31,854
-	2,682	-	2,113	-	2,113
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-

			-		
			-		
-	1,563	-	1,266	-	1,266
	1,323		1,074		1,074
	240		192		192
			-		
			-		
-	165	-	50	-	50
			-		
			-		
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
			-		
			-		
			-		
-	182	-	38	-	38
	182		38		38

8,205

Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch

1046172

1769

Trung tâm Y

1021514

1772

DVT: Triệu đồng

Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		
-	28,470	-	28,470	269	26,692
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
	-				-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	28,382	-	28,382	269	26,637
-	26,789	-	26,789	269	24,058
-	1,593	-	1,593	-	2,579
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-

	-				-
	-				-
-	849	-	849	-	1,715
	849		849		1,715
	-				-
	-				-
	-				-
-	-	-	-	-	-
	-				-
	-				-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
	-				-
	-				-
	-				-
-	88	-	88	-	55
	88		88		55

3,666

9,952

Thị trấn huyện Cẩm Mỹ*DVT: Triệu đồng*

Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	
-	26,692	-
-	-	-
-	-	-
-	-	-
-	-	-
-	-	-
-	26,637	-
-	24,058	-
-	2,579	-
-	-	-
-	-	-

-	1,715	-
	1,715	
-	-	-
-	-	-
-	-	-
-	55	-
	55	